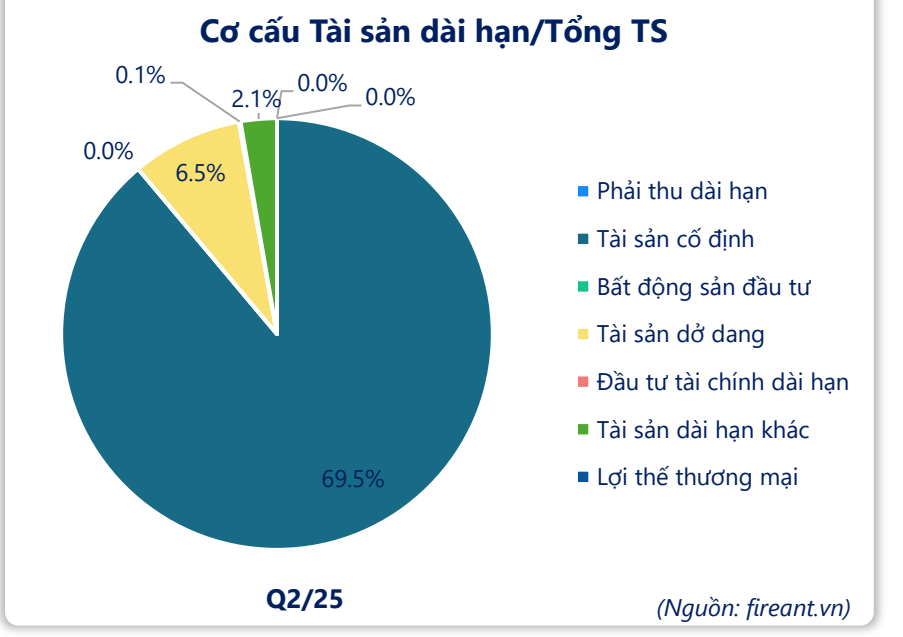
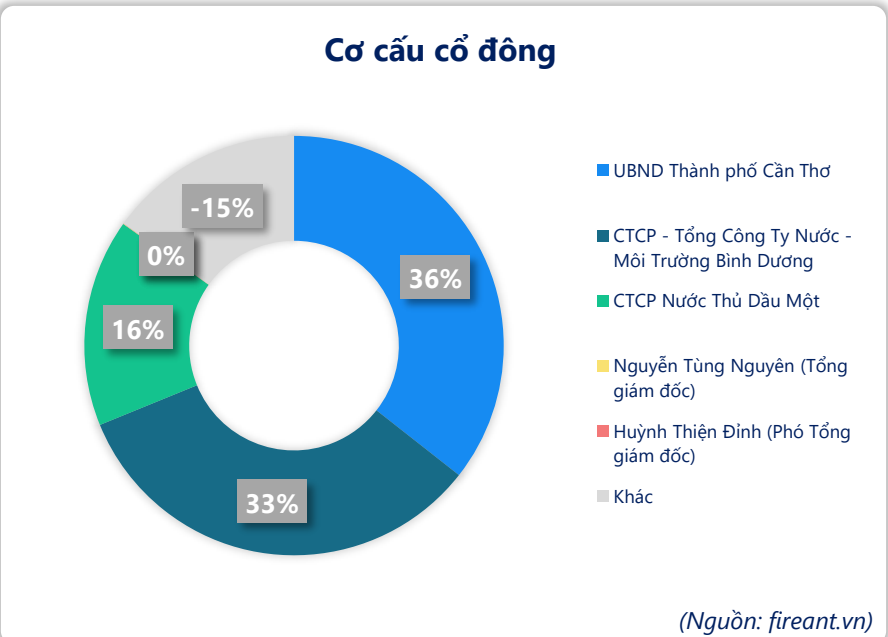
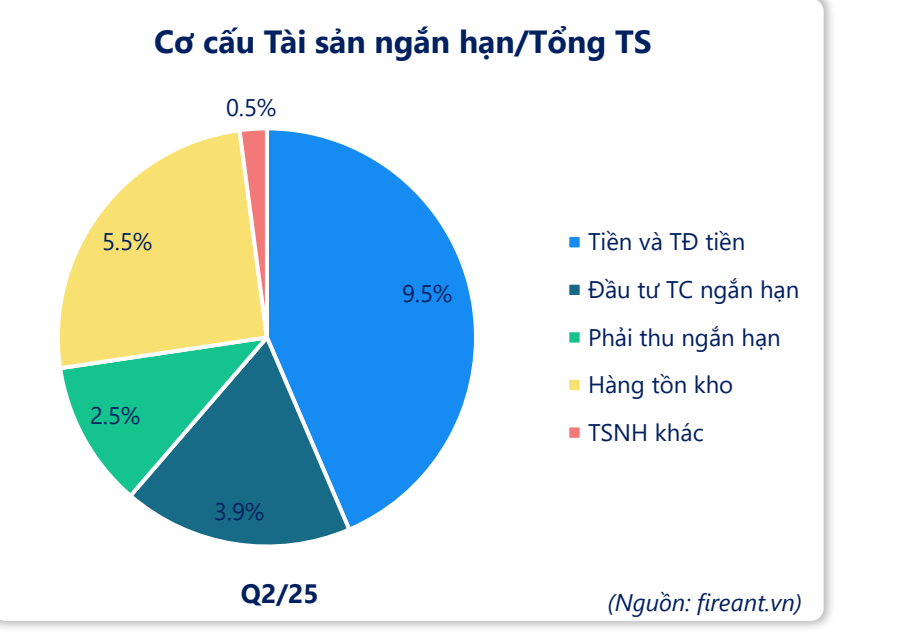
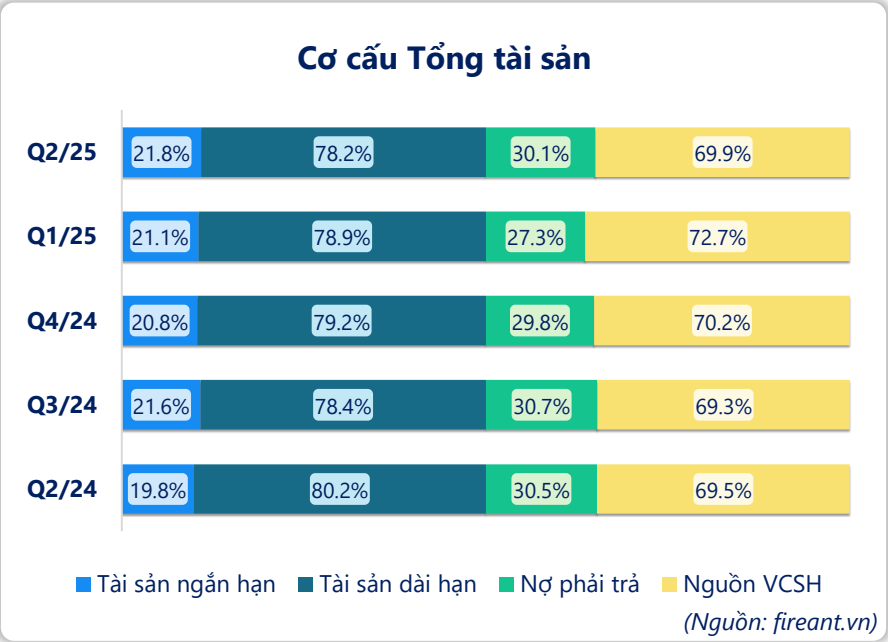
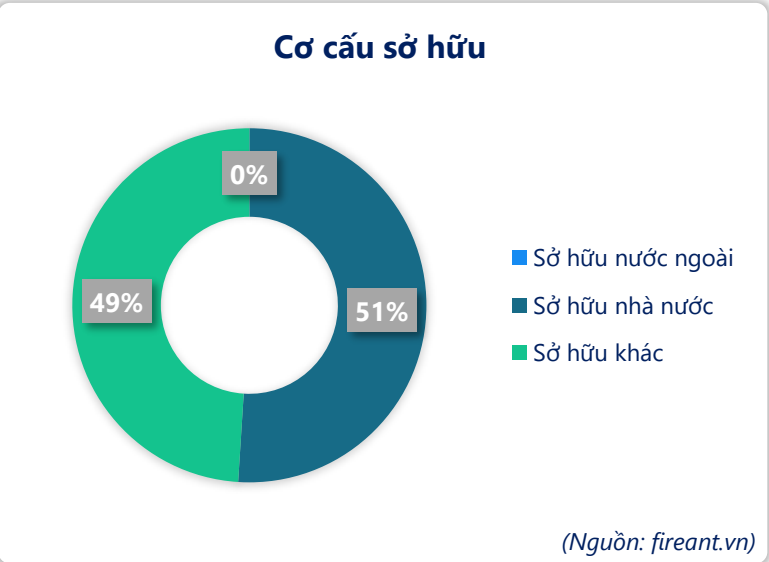
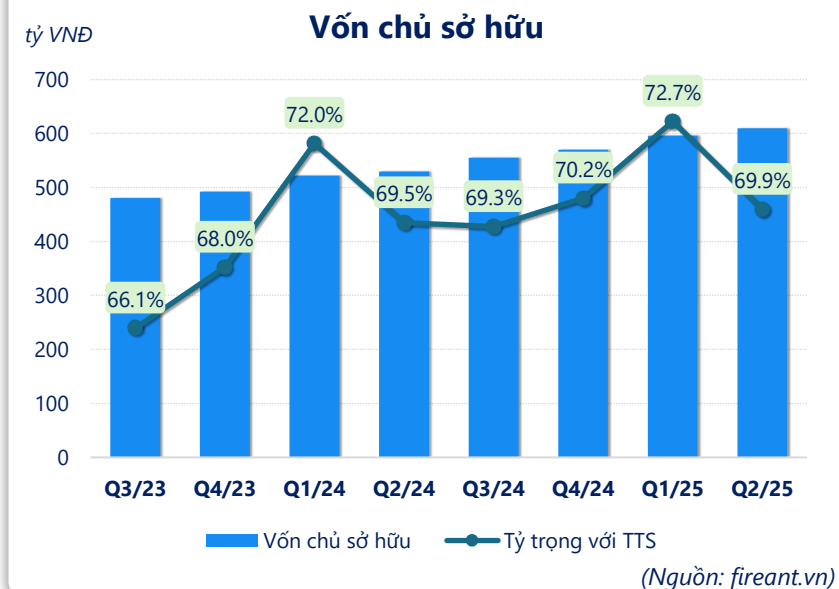
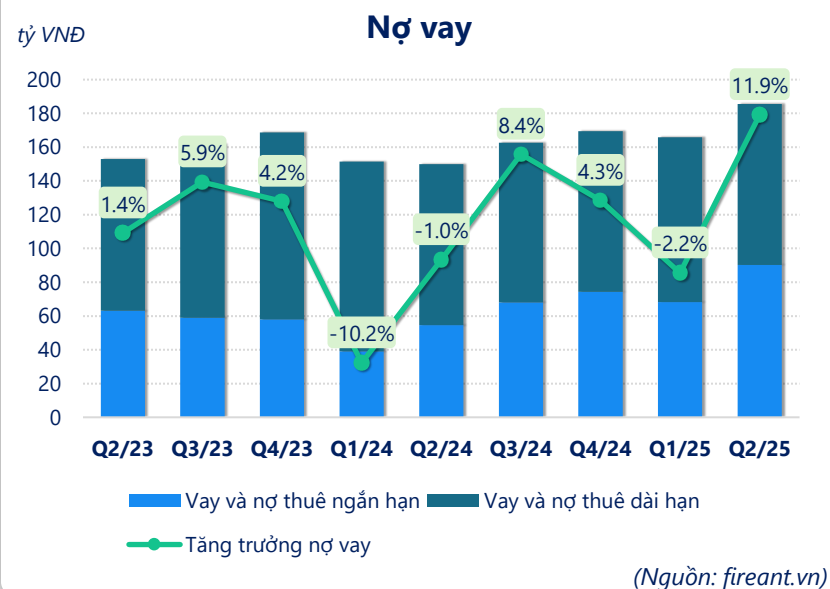
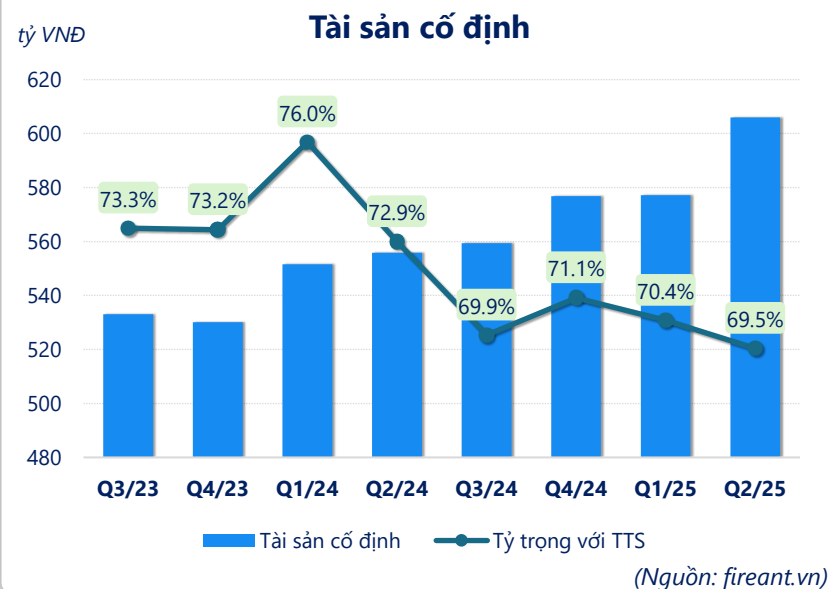
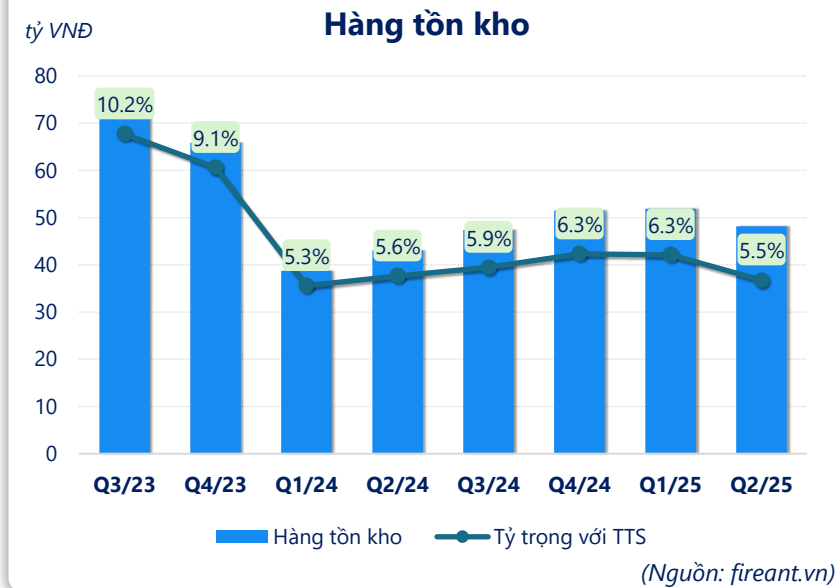
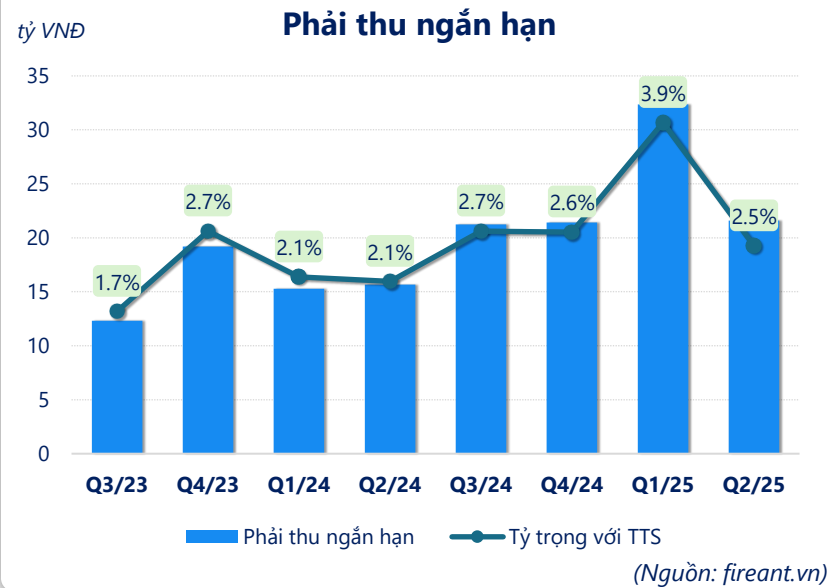
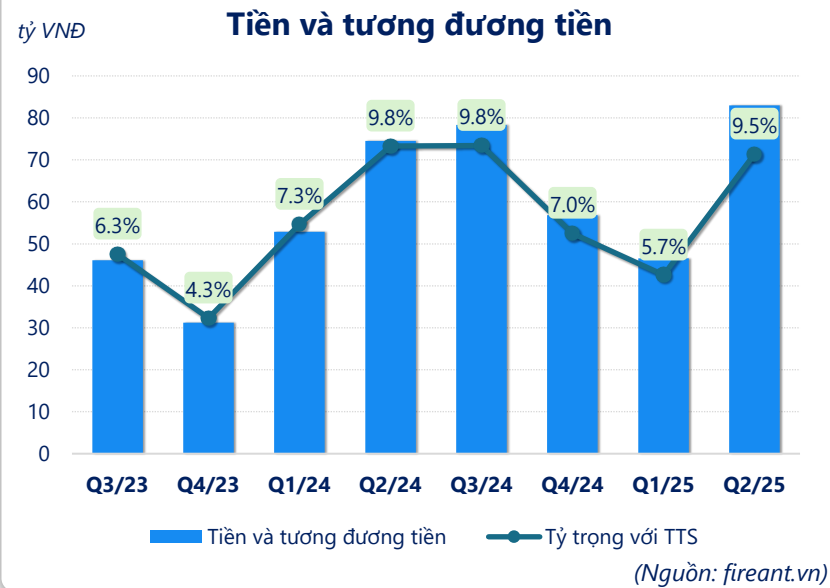
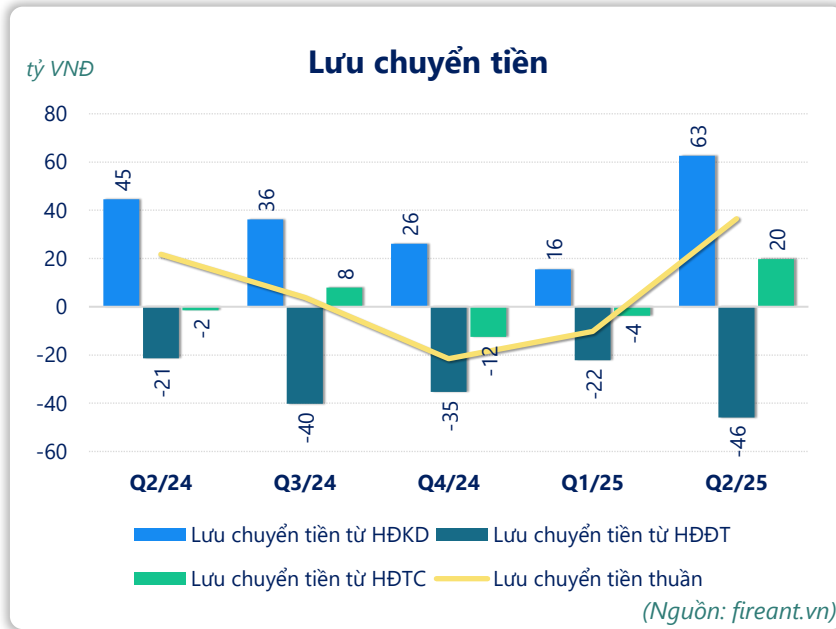
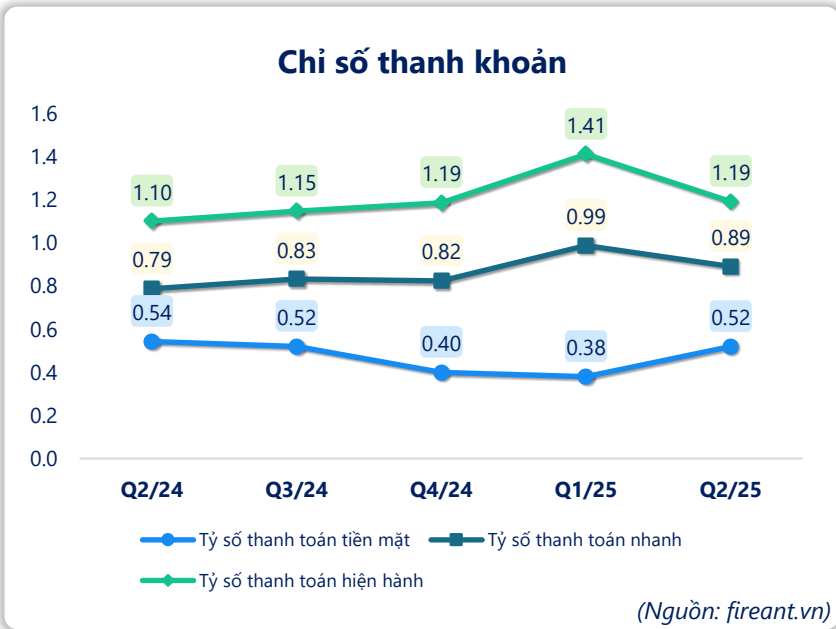
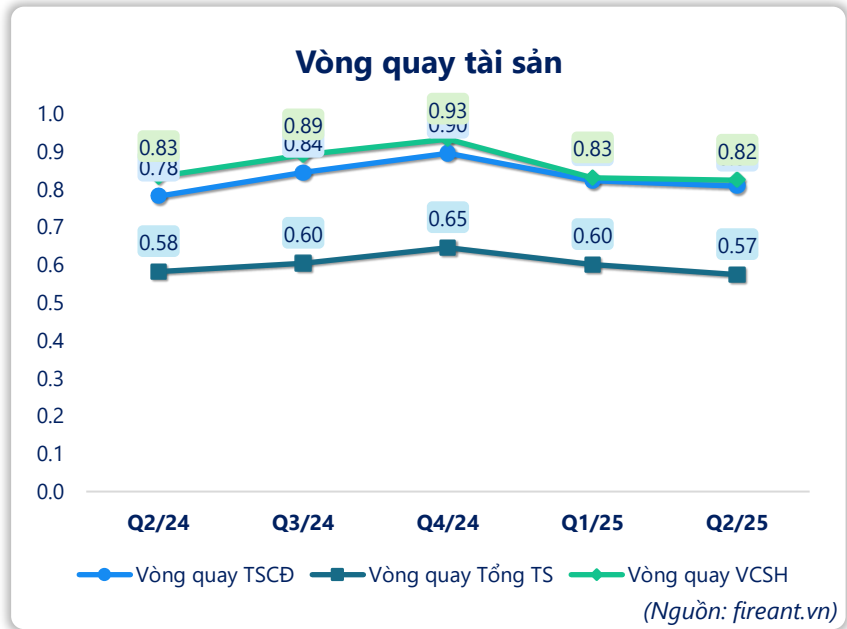
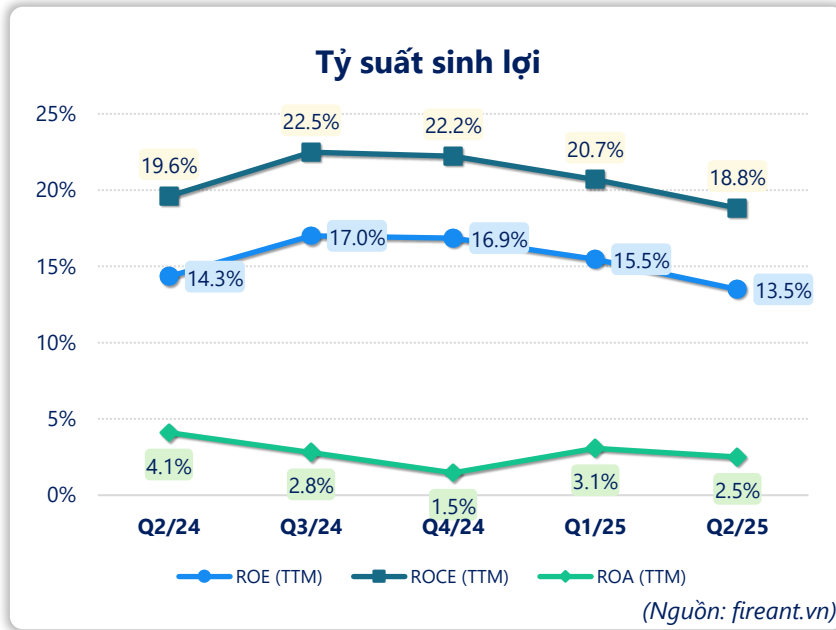
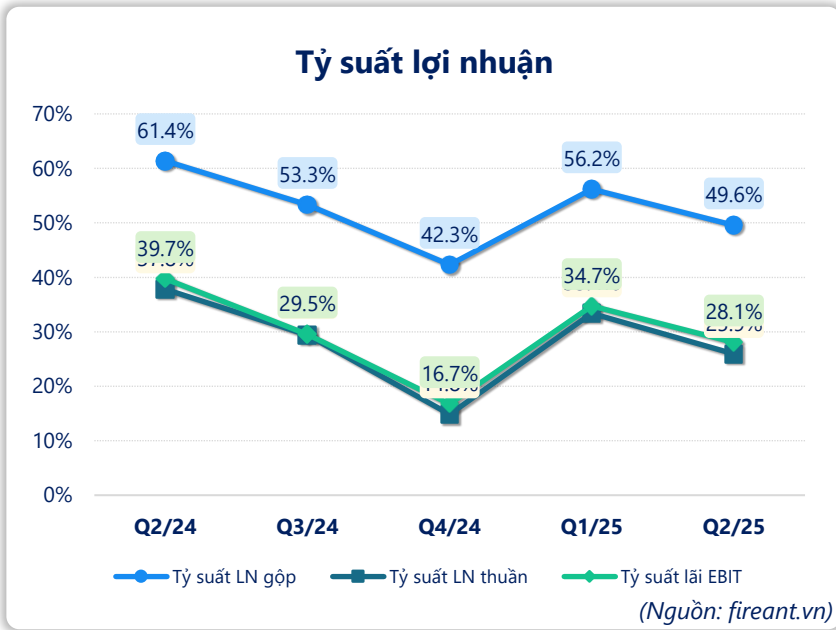
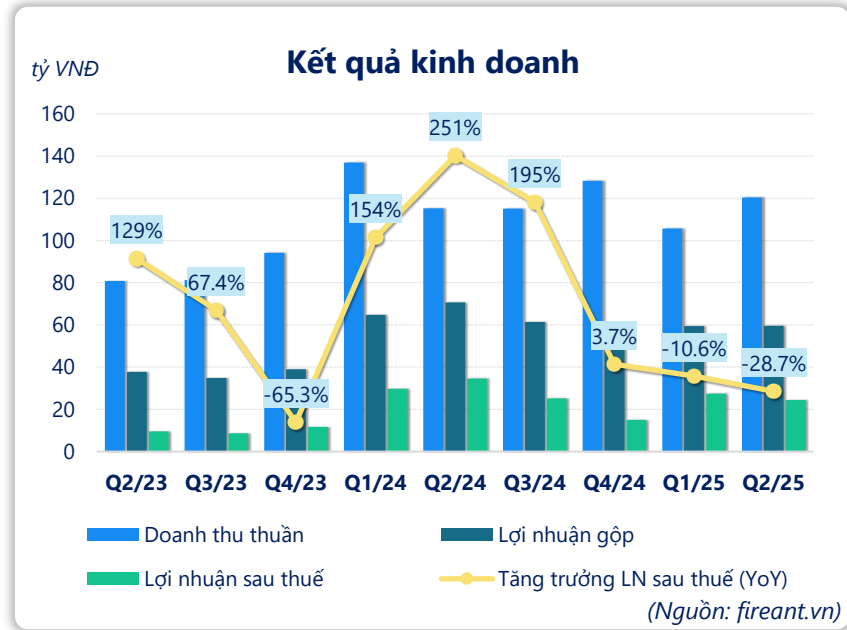


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		31,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		32,947
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		23,875
SL cổ phiếu LH		27,998,600
KLGD BQ 20 phiên (CP)		610
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		868
P/E		11.3
EPS		2,746

	YTD	1T	3T	6T
CTW	1.4%	-1.6%	0.8%	6.4%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	872	811	7.6%
Tài sản ngắn hạn	191	168	13.1%
Tiền và tương đương tiền	83.0	56.8	46.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	33.9	35.9	-5.7%
Phải thu ngắn hạn	21.6	21.4	0.8%
Hàng tồn kho	48.1	51.5	-6.5%
Tài sản ngắn hạn khác	3.99	2.83	40.9%
Tài sản dài hạn	682	642	6.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	606	577	5.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	56.5	43.7	29.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.88	0.88	0.0%
Tài sản dài hạn khác	18.5	21.1	-12.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	263	242	8.6%
Nợ ngắn hạn	160	142	12.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	90.3	74.3	21.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	21.0	18.7	12.2%
Nợ dài hạn	103	99.5	3.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	95.3	95.2	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	610	569	7.1%
Vốn chủ sở hữu	610	569	7.1%
Vốn điều lệ	280	280	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	115	115	128	106	120
Giá vốn hàng bán	44.5	53.8	74.0	46.3	60.7
Lợi nhuận gộp	70.7	61.4	54.3	59.4	59.6
Doanh thu HĐTC	0.38	0.26	0.61	0.19	1.04
Chi phí TC	2.24	2.09	2.64	2.18	2.90
Chi phí lãi vay	2.24	2.09	2.63	2.18	2.90
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	13.0	11.6	13.5	10.3	10.0
Chi phí QLDN	12.3	14.1	19.7	11.7	16.6
LN thuần từ HĐKD	43.5	33.9	19.0	35.3	31.2
Lợi nhuận khác	-0.04	-1.94	-0.19	-0.75	-0.34
LN trước thuế	43.5	31.9	18.9	34.5	30.9
Lợi nhuận sau thuế	34.5	25.1	15.0	27.4	24.5
LNST của CĐ cty mẹ	30.1	21.4	11.3	23.7	20.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	44.6	36.2	26.2	15.5	62.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-21.4	-40.3	-35.3	-22.1	-45.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.52	7.94	-12.4	-3.69	19.7
Tiền đầu kỳ	52.8	74.5	78.3	56.8	46.5
Lưu chuyển tiền thuần	21.7	3.83	-21.5	-10.3	36.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	74.5	78.3	56.8	46.5	83.0

(Nguồn: fireant.vn)